

Bản án số: 62/2024/HS-ST

Ngày 19 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - TH PHỐ HẢI PHÒNG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 03 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đồng Xuân V, sinh ngày 13/11/2005 (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 10 tháng 14 ngày*), tại Hải Phòng; Nơi cư trú: xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đồng Xuân D và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 67/2023/HS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Th phố Hải Phòng xử phạt 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến ngày 05 tháng 10 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

2. Nguyễn Duy N, sinh ngày 19/6/2005 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Lâu Trại, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Tr và bà Đồng Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 15/2024/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản” . Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến ngày 05

tháng 10 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

3. Phùng Tiến Th, sinh ngày 26/6/2005, tại Hải Phòng; Nơi cư trú:, huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Thế C và bà Trần Thị Phương N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến ngày 05 tháng 10 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

4. Đào Quang Tr, sinh ngày 26/02/2005, tại Hải Phòng; Nơi ĐKTT: huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Quang Th và bà Bùi Thị Th; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến ngày 05 tháng 10 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

5. Phạm Văn T, sinh năm 1998; tại Hải Phòng; Nơi ĐKTT: huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng, nơi ở: xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị Nh; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến ngày 05 tháng 10 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

6. Phạm Đức T1, sinh năm 1999; tại Hải Phòng; Nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến ngày 05 tháng 10 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đồng Xuân V: Bà Đoàn Thị Hệ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Th phố Hải Phòng. Có mặt.*

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đồng Xuân V: Ông Đồng Xuân D sinh năm 1981; nơi cư trú:, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; bà Nguyễn Thị Hg, sinh năm 1984; nơi cư trú:, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng. Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 24/9/2023 tại nhà trọ của Phạm Văn T ở thôn 2, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, Đồng Xuân V, Đào Quang Tr, Phùng Tiến Th và Nguyễn Duy N bàn nhau mua ma túy để đêm ngày 26/9/2023 mang về nhà trọ của T sử dụng và nghe nhạc. Khoảng 20 giờ ngày 26/9/2023, V gọi điện cho một nam giới tên là Linh ở quận Hồng Bàng hỏi mua 02 gam ma túy Ketamine. V và Linh họ gặp nhau ở chân cầu Kiền Bái để mua ma túy, V mua 02 gam ma túy Ketamine với

số tiền 2.600.000 đồng (1.300.000 đồng/gam). Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 27/9/2023, sau khi làm việc xong tại quán karaoke Lê Hoàng thuộc xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, V gọi điện cho Hà rủ đi chơi nhưng không nói rõ là đi sử dụng ma túy. Sau đó, V gọi điện cho Th thống nhất lại về việc sử dụng ma túy và nghe nhạc, Th bảo V là Th và N đang ở nhà trọ của T, V hỏi Th *“Có chơi không còn biết đường”*, Th nói *“Cứ xuống đây đi rồi chơi”*. Sau đó, V gọi điện cho Tr rủ Tr đi sử dụng ma túy và nghe nhạc, Tr đồng ý và bảo V qua nhà đón. V cùng Hà đi xe moto đến đón Tr rồi quay về nhà V để V vệ sinh cá nhân. Tiếp đó, V gọi điện cho Th bảo Th và N xuống đón V, Hà và Tr. Khoảng 15 phút sau, Th và N đi hai xe moto xuống đón V, Hà và Tr về nhà trọ của T. Khi đến nơi thì gặp T, Hồng, Ngọc Anh và Duy đang ngồi nói chuyện tại phòng khách của nhà trọ của T. V, Th, N, Tr, Hà và Duy đi vào phòng ngủ của T. Khi vào phòng thì trong phòng đã có 01 đĩa hình bầu dục màu trắng để trên nền nhà, trong lòng đĩa có 01 thẻ ATM mang tên PHAM VAN TINH. V thông báo đã mua trước 02 gam Ketamine, V nói với những người có mặt trong phòng là mua thêm 04 viên thuốc lắc để sử dụng, V hỏi Duy thì Duy trả lời *“không sử dụng ma túy nên không đóng góp”*, Vũ hỏi Hà *“Anh có chơi kẹo không”*, Hà đáp *“Anh không chơi”*, V bảo Th, N, Tr *“Chơi thì bỏ đầu mỗi người 800.000 đồng, chơi xong thì T”*. Th, N, Tr đồng ý. Th chuyển khoản cho V số tiền 800.000 đồng, V bảo N nhắn tin hỏi mua 04 viên ma túy thuốc lắc thì N mượn điện thoại của Th, đăng nhập tài khoản Messenger cá nhân rồi gọi điện và nhắn tin cho Phạm Đức T1, sinh năm 1999, nơi cư trú: Thôn 6, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng hỏi mua 04 viên ma túy thuốc lắc. Sau khi nhắn tin, gọi điện cho T1 thì N báo giá 300.000 đồng/01 viên thuốc lắc và bảo người bán chỉ nhận tiền mặt. Do không có tiền mặt nên V và N đi ra ngoài gặp T, V nói *“Bây giờ ở đây không ai có thể ngân hàng, em chuyển tiền, anh đi rút tiền mặt giúp em để em đi lấy đồ”*, T đồng ý, V chuyển khoản cho T số tiền 1.200.000 đồng, T đi rút tiền rồi mang 1.200.000 đồng về đưa lại cho V. Sau khi có tiền mặt, N lấy xe moto chở V xuống nghĩa trang xã Lâm Động. Tại đây, V và N gặp T1 đang đứng đợi từ trước, V đưa cho T1 số tiền 1.200.000 đồng, T1 nhận tiền và đưa cho V 04 viên thuốc lắc. Sau đó, V và N quay trở lại nhà trọ của T và đi vào phòng ngủ, V lấy trong người ra một tờ tiền 100.000 đồng cuộn lại, bóc hai vỏ đầu lọc thuốc lá cố định Th tẩu. V lấy thuốc lắc ra phát cho Tr, N, Th mỗi người một viên, V cho Duy nửa viên còn V dùng nửa viên, tất cả sử dụng với nước lọc. V đưa cho Tr một túi Ketamine bảo Tr cất đi khi nào hết thì bỏ ra sử dụng tiếp. Túi Ketamine còn lại V đổ ra đĩa dùng thẻ xào, kẻ Th nhiều đường thẳng. N bê đĩa đi mời Tr, Duy, Th, Hà sử dụng Ketamine rồi đặt xuống nền nhà ai sử dụng thì tự lấy. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì T mở cửa phòng nhìn thấy nên nói *“Chơi đồ cẩn thận, bật nhạc bé thôi”* rồi đi lên gác xép ngủ. N ra ngoài gọi Hồng vào phòng và bê đĩa ma túy Ketamine mời Hồng sử dụng, Hồng sử dụng hai đường. Sau đó, Tr tiếp tục kẻ ma túy Ketamine mời N, Th sử dụng. Trong lúc cả nhóm đang sử dụng ma túy thì Hà về nhà có việc nên Duy lấy xe moto chở Hà về rồi quay lại. Khi Duy vừa quay thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

Phạm Đức T1 khai nhận: Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 27/9/2023 T1 đang ở nhà thì N gọi điện qua ứng dụng Messenger hỏi mua 04 viên ma túy thuốc lắc, T1 đồng ý và hẹn N đến khu vực nghĩa trang xã Lâm Động để giao dịch. Sau đó, T1 đi

một mình sang khu vực Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng gặp và mua của một người nam giới không quen biết 04 viên ma túy thuốc lắc với giá 280.000 đồng/01 viên. Sau đó, T1 đi đến khu vực nghĩa trang xã Lâm Động. Tại đây, T1 gặp N đi cùng V đến. V đưa cho T1 số tiền 1.200.000 đồng, T1 nhận tiền và bán cho V 04 viên ma túy thuốc lắc. Sau đó, T1 đi về nhà còn N, V đi đâu, làm gì T1 không rõ. T1 tự nguyện giao nộp lại số tiền 1.200.000 đồng là số tiền bán ma túy cho V, N và 01 điện thoại di động gắn sim số 0942.981.223 T1 dùng để liên lạc bán ma túy với N.

Phạm Văn T khai nhận: T không tham gia bàn bạc hay đóng góp gì cùng nhóm của V trong việc sử dụng ma túy. Ngày 25/9/2023, T một mình sử dụng ma túy đá tại nhà trọ ở thôn 2, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Vào ngày 27/9/2023, khi nhóm của V vào phòng ngủ tầng 01 của nhà trọ bật nhạc to, T mở cửa vào thì thấy V đang bê đĩa sứ màu trắng nên T biết nhóm của V đang sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình nhưng T không ngăn cản nhóm của V sử dụng ma túy, chỉ nhắc nhở nhóm của V bật nhạc bé sau đó lên gác xếp ngủ. Đối với việc V nhờ T đi rút tiền mặt, T hiểu V nhờ rút tiền mặt để mua ma túy nhưng không rõ V và N mua ma túy gì, của ai, sử dụng ở đâu và những ai sử dụng. Tinh không hưởng lợi gì từ việc đi rút tiền hộ V.

Tiến hành xét nghiệm mẫu nước tiểu cho kết quả: Đào Quang Tr, Đồng Xuân V, Phùng Tiến Th, Nguyễn Duy N, Đinh Khắc Duy dương T với chất ma túy MDMA và Ketamine; Bùi Đỗ Hà và Phạm Thị Hồng dương T với chất ma túy Ketamine; Phạm Văn T dương T với chất ma túy Methamphetamine; Nguyễn Ngọc Anh âm T với các chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 761/KL-KTHS ngày 30/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Th phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng bám dính trên 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, 01 tẩu cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng được cố định bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 thẻ ATM mang tên PHAM VAN TINH thu giữ tại phòng ngủ tầng 1 nhà trọ của Phạm Văn T là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng. Tinh thể màu trắng có trong 01 túi nylon kích thước 05cm x 08cm thu gom trong lòng đĩa sứ hình bầu dục màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,36 gam loại Ketamine. Tinh thể màu trắng có trong 01 túi nylon kích thước 02cm x 03cm thu giữ tại túi quần phía trước bên trái Đào Quang Tr đang mặc là ma túy, có khối lượng 0.79 gam, loại Ketamine. Tinh thể màu trắng bám dính trong vỏ túi nylon kích thước 02cm x 03 cm thu giữ tại phòng ngủ tầng 1 nhà trọ của Phạm Văn T là ma túy Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì niêm phong vỏ bao gói, chất ma túy còn lại sau giám định ($0.26 + 0.67 = 0.93$ gam Ketamine), niêm phong số 761MT/PC09; 01 đĩa sứ, 02 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 thẻ ATM mang tên PHAM VAN TINH, 01 vỏ túi nylon được niêm phong lại trong một bì giấy, niêm phong số 761MT-A/PC09; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng được niêm phong trong một phong bì có dấu niêm phong số 761MT-B/PC09; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0567.629.666 thu giữ của V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, gắn sim số 0865.784.505 thu giữ của Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0942.981.223 thu giữ của T; 01 điện thoại

đi động nhãn hiệu Iphone màu vàng, gắn sim số 0855.564.201 thu giữ của T1; số tiền 1.200.000 đồng do T1 giao nộp chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên quản lý.

Lời khai của các bị cáo Đồng Xuân V, Đào Quang Tr, Phùng Tiến Th và Nguyễn Duy N, Phạm Văn T, Phạm Đức T1 phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, kết quả xét nghiệm nước tiểu tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an Th phố Hải Phòng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSTN ngày 12 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Đồng Xuân V, Nguyễn Duy N, Phùng Tiến Th, Đào Quang Tr về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Phạm Đức T1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 56, 58, 91, 101 và Điều 104 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đồng Xuân V từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt 21 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng của Bản án số 67/2023/HS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 9 năm 3 tháng đến 10 năm 3 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày tạm giữ 27 tháng 9 năm 2023; trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 11 tháng 11 năm 2022 đến ngày 19 tháng 11 năm 2022.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Quang Tr từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm 6 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 17, 56, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N từ 9 năm 6 tháng đến 10 năm 6 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù về tội Huỷ hoại tài sản của Bản án số 15/2024/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm 3 tháng đến 11 năm 3 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày tạm giữ 27 tháng 9 năm 2023.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phùng Tiến Th từ 9 năm 6 tháng đến 10 năm 6 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 8 đến 9 năm về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đức T1 từ 8 đến 9 năm về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251, khoản 5 Điều 255, khoản 5 Điều 256 của Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản riêng, công việc không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong vỏ bao gói, chất ma túy còn lại sau giám định ($0,26 + 0,67 = 0,93$ gam Ketamine), niêm phong số 761MT/PC09; 01 đĩa sứ, 02 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 vỏ túi nilon được niêm phong lại trong một bì giấy, niêm phong số 761MT-A/PC09. 01 thẻ ATM mang tên Phạm Văn T tại phiên tòa T khai không còn nhu cầu sử dụng, không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0567.629.666 thu giữ của V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, gắn sim số 0865.784.505 thu giữ của Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, gắn sim số 0855.564.201 thu giữ của T1. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng được niêm phong trong một phong bì có dấu niêm phong số 761MT-B/PC09. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T, và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0942.981.223 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Xuân V trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem nguyên nhân điều kiện phạm tội của bị cáo, bị cáo chưa Th niên, trình độ học vấn thấp và do sự buông lỏng quản lý của gia đình, không hiểu biết pháp luật nên đã phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo đều trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về T hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Th phố Hải Phòng; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Ngày 24 tháng 9 năm 2023, Đồng Xuân V, Đào Quang Tr, Phùng Tiên Th và Nguyễn Duy N bàn nhau mua ma túy về sử dụng và nghe nhạc. Ngày 27/9/2023, tại phòng ngủ tầng 1 nhà trọ của Phạm Văn T ở thôn 2, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, các bị cáo Đồng Xuân V, Nguyễn Duy N, Phùng Tiên Th, Đào Quang Tr cùng chung ý chí góp tiền mua ma túy để sử dụng cho bản thân và tổ chức cho Đinh Khắc Duy, Bùi Đỗ Hà, Phạm Thị Hồng (16 tuổi 01 tháng 28 ngày) sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, Đồng Xuân V là người khởi xướng việc sử dụng ma túy, 02 lần chủ động đi mua ma túy, đổ ma túy Ketamine ra đĩa, xào, kẻ ma túy Ketamine, thực hiện cuốn tẩu để cả nhóm sử dụng ma túy, chia ma túy là thuốc lắc cho N, Tr, Th và mời Duy cùng sử dụng. N bê đĩa ma túy Ketamine do V đã xào kẻ đi mời Tr, Duy, Th, Hà sử dụng và là người mời Hồng (16 tuổi 1 tháng 28 ngày) vào sử dụng ma túy Ketamine. Hành vi của các bị cáo Đồng Xuân V, Nguyễn Duy N, Phùng Tiên Th, Đào Quang Tr đã đủ yếu tố cấu Th tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm b (*“đối với 02 người trở lên”*), c (*“đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”*) khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Ngày 27 tháng 9 năm 2023, Phạm Văn T đồng ý cho Đồng Xuân V, Nguyễn Duy N, Phùng Tiên Th, Đào Quang Tr, Đinh Khắc Duy, Bùi Đỗ Hà, Phạm Thị Hồng mượn địa điểm là nhà ở để sử dụng trái phép ma túy. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm d (*Đối với 02 người trở lên*) khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự

[2.3] Vào khoảng 02 giờ 40 phút ngày 27/9/2023, tại khu vực nghĩa trang xã Lâm Động thuộc xã Lâm Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, Phạm Đức T1 đã có hành vi bán trái phép 04 viên thuốc lắc là loại ma túy MDMA cho Đồng Xuân V và Nguyễn Duy N. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm c (*Đối với 02 người trở lên*) khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự

[3.] Về T chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo V, N, Th, Tr, T1, T đều nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng không có ý thức phòng tránh mà cùng rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng và tổ chức cho người khác sử dụng có người dưới 18 tuổi. Bị cáo Phạm Đức T1 có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, với tình tiết định khung là phạm tội đối với hai người trở lên. Bị cáo Phạm Văn T có hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, với tình tiết định khung là phạm tội đối với hai người trở lên. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an T1 xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Do

đó, cần phải nghiêm khắc xử lý đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe và giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đồng Xuân V đã bị Toà án nhân dân quận Hồng Bàng xử phạt 21 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng, theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Hình sự, bị cáo bị kết án khi chưa đủ 18 tuổi thì được coi là không có án tích, nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Tuy nhiên, bị cáo bị Toà án nhân dân quận Hồng Bàng đưa ra xét xử ngày 12-7-2023 thì ngày 27-9-2023 bị cáo lại phạm tội mới. Bị cáo Nguyễn Duy N bị khởi tố về hành vi huỷ hoại tài sản ngày 29/7/2023, ngày 27/9/2023 bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 9 tháng tù về tội huỷ hoại tài sản ngày 18 tháng 01 năm 2024, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Lần phạm tội này của bị cáo V và N không coi là tái phạm, tuy nhiên trong thời gian ngắn, các bị cáo liên tục thực hiện 02 hành vi phạm tội nên đánh giá các bị cáo có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật thấp. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều Th khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đồng Xuân V có ông ngoại tham gia cách mạng, Đào Quang Tr có cụ nội tham gia cách mạng; Phạm Đức T1 có ông là liệt sỹ nên các bị cáo V, Tr, T1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*gia đình có công với cách mạng*” quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về phân hóa vai trò và hình phạt: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, lượng hình đối với từng bị cáo.

[5.1] Bị cáo Đồng Xuân V là người khởi xướng và thực hành tích cực trong việc thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể: Vào ngày 24/9/2023, tại nhà trọ của Phạm Văn T, bị cáo V đã khởi xướng và cùng với Th, N bàn với nhau về việc mua ma túy để cùng nhau sử dụng. V là người trực tiếp mua 02 gam ma túy Ketamine, V đã gọi điện thoại rủ Hà đi chơi, rủ Tr cùng tham gia sử dụng ma túy. Ngày 27/9/2023, tại nhà trọ của T, V khởi xướng về việc mua thêm thuốc lắc về sử dụng và đã trực tiếp cùng với N đi mua 04 viên thuốc lắc để cả nhóm cùng sử dụng. Tại nhà trọ của T, V chia thuốc lắc cho N, Th, Tr, bỏ một nửa viên mời Duy và giữ lại một nửa viên để dùng cho bản thân. V trực tiếp đổ ma túy Ketamine ra đĩa dùng thẻ ATM xào, kẻ Th nhiều đường thẳng và là người cuốn tẩu thuốc cho mọi người sử dụng nên Đồng Xuân V có vai trò cao nhất trong vụ án.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Duy N là người cùng tham gia bàn bạc mua ma túy để cùng nhau sử dụng, là người trực tiếp nhắn tin trao đổi và trực tiếp cùng với V đi mua 04 viên thuốc lắc về sử dụng. Quá trình sử dụng ma túy tại nhà trọ của T, N là người bê đĩa ma túy Ketamine do V đã xào kẻ, đi mời Tr, Th, Duy, Hà sử dụng và cũng là người trực tiếp gọi Hồng vào phòng ngủ và bê đĩa ma túy Ketamine mời Hồng sử dụng. N là người thực hành tích cực và được đánh giá giữ vai trò thứ 2 trong vụ án sau bị cáo V. Các bị cáo Đào Quang Tr, Phùng Tiên Th, chủ động tiếp nhận ý chí của bị cáo Đồng Xuân V, Nguyễn Duy N, Tr và Th là người thực hành tích cực trong vụ án nhưng có vai trò thấp hơn bị cáo V và N.

[5.3] Vì những phân tích nêu trên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Áp dụng chính sách xử lý đối với người chưa Th niên phạm tội đối với bị cáo Đồng Xuân V do khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Đồng Xuân V dưới 18 tuổi, theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự thì mức hình phạt cao nhất đối với bị cáo không quá 3/4 mức hình phạt mà điều luật quy định. Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Đồng Xuân Tr và Phùng Tiến Th ngang nhau và thấp hơn hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Duy N.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251, khoản 5 Điều 255, khoản 5 Điều 256 của Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản riêng, công việc không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong vỏ bao gói, chất ma túy còn lại sau giám định ($0,26 + 0,67 = 0,93$ gam Ketamine) là vật thuộc lại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 đĩa sứ, 02 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 vỏ túi nilon là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Chiếc thẻ ATM mang tên PHAM VAN TINH, tại phiên tòa bị cáo T xác định không còn sử dụng, không nhận lại thẻ trên để sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng của V cuốn tẩu dùng để sử dụng ma túy vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0567.629.666 thu giữ của bị cáo V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, gắn sim số 0865.784.505 thu giữ của bị cáo Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, gắn sim số 0855.564.201 thu giữ của bị cáo T1. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0942.981.223 thu của Phạm Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 1.200.000 đồng do bị cáo T1 giao nộp, đây là do hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với 01 chiếc xe moto BKS: 15G1-968.63 thu giữ của Phùng Tiến Th qua xác minh chủ sở hữu là Trần Thị Phương Nga, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Giữa, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng (mẹ của Th), chị Nga cho Th mượn xe nhưng không biết Th sử dụng xe vào việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị Nga là đảm bảo quy định của pháp luật.

[9] Đối với 01 chiếc xe moto BKS: 15G1-934.00 thu giữ của Nguyễn Duy N qua xác minh chủ sở hữu là Đồng Thị Hà, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Lâu Trại, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng (mẹ của N), chị Hà cho N mượn xe nhưng không biết N sử dụng xe vào việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị Hà là đảm bảo quy định của pháp luật.

[10] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn T, Đinh Khắc Duy, Bùi Đỗ Hà, Phạm Thị Hồng, Công an huyện Thủy Nguyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[11] Đối với việc Đồng Xuân V nhờ Phạm Văn T đi rút tiền mặt, T thừa nhận hiểu V nhờ rút tiền mặt để mua “đồ” là ma túy nhưng không rõ V và N mua ma túy gì, của ai, sử dụng ở đâu, khi nào và những ai sử dụng. T không hưởng lợi gì từ việc đi rút tiền hộ V nên cơ quan điều tra không xử lý.

[12] Đối với Lê Quang Đạt, sinh năm 1991, nơi cư trú: Số 2/173 Hùng Duệ Vương, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng là người cho Phạm Văn T thuê nhà, Đạt là chủ sở hữu hợp pháp. Tuy nhiên, anh Đạt không biết việc T cho phép người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà trọ mà T thuê của anh. Công an huyện Thủy Nguyên đã có đề nghị Chủ tịch UBND huyện Thủy Nguyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[13] Các đối tượng “Linh” bán ma túy cho V, nam giới bán ma túy cho T1, tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[14] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 8 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày tạm giữ ngày 27 tháng 9 năm 2023.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Phạm Đức T1** phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T1 8 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày tạm giữ ngày 27 tháng 9 năm 2023.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 56, 58, 91, 101 và Điều 104 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Đồng Xuân V** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Đồng Xuân V 7 năm 6 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án Bản án số 67/2023/HS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng. Buộc bị cáo phải chấp hành 9 năm 3 tháng .Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày tạm giữ ngày 27 tháng 9 năm 2023.

4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 56, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy N** 9 năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Buộc bị cáo phải chấp hành 9 năm 9 tháng Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày tạm giữ ngày 27 tháng 9 năm 2023.

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Đào Quang Tr** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo **Đào Quang Tr** 8 năm 6 tháng tù.. Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày tạm giữ ngày 27 tháng 9 năm 2023

6. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Phùng Tiến Th** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo **Phùng Tiến Th** 8 năm 6 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày tạm giữ ngày 27 tháng 9 năm 2023.

7. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong vỏ bao gói, chất ma túy còn lại sau giám định ($0.26 + 0,67 = 0,93$ gam Ketamine), niêm phong số 761MT/PC09; tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sù, 02 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 thẻ ATM mang tên PHAM VAN TINH, 01 vỏ túi nilon được niêm phong lại trong một bì giấy, niêm phong số 761MT-A/PC09. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng được niêm phong trong một phong bì có dấu niêm phong số 761MT-B/PC09. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007955 ngày 26/12/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0567.629.666; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, gắn sim số 0865.784.505; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, gắn sim số 0855.564.201. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, gắn sim số 0942.981.223 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/12/2023; Phiếu nhập kho số NK2024/42 ngày 27/12/2023 và Biên lai thu tiền số 0007955 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

8. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- TAND Th phố Hải Phòng;
- VKSND Th phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp Th phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, Th phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, Th phố) gì thuộc tỉnh, Th phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, Th phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, Th phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân Th phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề N của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề N của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) Tr hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Tr hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không

liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh T đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó T đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó T đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Tr hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề N, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Tr hợp bị hại là người bị xâm phạm về T mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề N, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng Tr hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các Th viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND Th phố Hải Phòng;
- VKSND Th phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp Th phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)